

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên; thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung nội dung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa

các cấp ngân sách ở địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên; thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-KTNS ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên; thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Khoản 6 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và tiền chậm nộp các khoản thu từ xổ số kiến thiết.”

2. Khoản 15 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“15. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.”

3. Các khoản 24, 25, 26, 27, 28, 29 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“24. Thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng thu của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp vắng lai) do Cục Thuế quản lý thu.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế TNDN của đơn vị hạch toán toàn ngành và thu từ hoạt động XSKT) thu của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do Cục Thuế quản lý thu.

26. Thuế thu nhập cá nhân và tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân do Cục Thuế quản lý thu.

27. Thuế tiêu thụ đặc biệt và tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp khác do Cục Thuế quản lý thu.

28. Thuế bảo vệ môi trường và tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu).

29. Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (bao gồm cả tiền chậm nộp thuế tài nguyên và tiền chậm nộp các khoản không được

hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của Mục lục ngân sách hiện hành do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu).”

4. Các Khoản 18, 19, 20, 21 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“18. Thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn các huyện; Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ gia đình.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn các huyện.

20. Thuế thu nhập cá nhân và tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn thành phố Lào Cai.

21. Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật (bao gồm cả tiền chậm nộp thuế tài nguyên và tiền chậm nộp các khoản không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của Mục lục ngân sách hiện hành do cơ quan cấp huyện quản lý thu).”

5. Khoản 17 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“17. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật (bao gồm cả tiền chậm nộp các khoản không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của mục lục ngân sách hiện hành do cơ quan cấp xã quản lý thu).”

6. Các khoản 6, 7, 8, 9 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng thu của các doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) do Cục thuế quản lý thu; Thuế giá trị gia tăng thu của các doanh nghiệp do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn thành phố Lào Cai.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thu của các doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) do Cục thuế quản lý thu; Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thu của các doanh nghiệp do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn thành phố Lào Cai.

8. Thuế thu nhập cá nhân và tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn các huyện.

9. Thuế tiêu thụ đặc biệt và tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hoá, dịch vụ trong nước thu từ cá thể, hộ gia đình và các doanh nghiệp do Chi cục Thuế quản lý thu.”

7. Điểm 17 mục I khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“17. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.”

8. Các tiết 27.1, 27.2, 27.3 điểm 27 mục I khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“27.1. Thu khác của ngân sách cấp tỉnh (bao gồm cả tiền chậm nộp thuế tài nguyên và tiền chậm nộp các khoản không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của Mục lục ngân sách hiện hành do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu):”

27.2. Thu khác của ngân sách cấp huyện (bao gồm cả tiền chậm nộp thuế tài nguyên và tiền chậm nộp các khoản không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của Mục lục ngân sách hiện hành do cơ quan cấp huyện quản lý thu)

27.3. Thu khác của ngân sách cấp xã (bao gồm cả tiền chậm nộp các khoản không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của mục lục ngân sách hiện hành do cơ quan cấp xã quản lý thu)”

9. Điểm 1 mục II khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng (không kể thuế GTGT thu từ hoạt động XNK và XSKT):”

10. Điểm 2 mục II khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế TNDN của đơn vị hạch toán toàn ngành và thu từ hoạt động XSKT):”

11. Điểm 3 mục II khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Thuế thu nhập cá nhân và tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân:”

12. Điểm 4 mục II khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Thuế TTĐB và tiền chậm nộp thuế TTĐB thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước:”

13. Điểm 5 mục II khoản 1 Điều 14 (cột KHOẢN THU, SẮC THUẾ) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Thuế bảo vệ môi trường và tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu):”

Điều 2. Những nội dung sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 Nghị quyết này được áp dụng đối với các khoản thu ngân sách nhà nước phát sinh từ năm ngân sách 2017.

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2017. / *ph*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, UBKTNS Quốc hội;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP TU, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Công báo, Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, TH. *ph*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

